TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2022
V/v: *"Xin ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Như Nghi.
2. Bà Phạm Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc: " Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982.

2.Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm 1972.

Đồng địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị L có mặt; anh T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2021 và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại phiên tòa:

-Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013 tôi có tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với anh Lê T được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2013. Qúa trình chung sống đến 8/2021 phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân là do anh T hay chơi cờ bạc, đánh số đề về nhá đánh tôi nhiều lần, lâu nay vợ chồng vẫn sống chung với nhau,

tuy nhiên hiện nay tôi không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu xin được ly hôn với anh T

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Tấn T1, sinh ngày 20/9/2013 lâu nay do vợ chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, đồng thời yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022.

-Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/02/2022 anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013 tôi có tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với chị L, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2013. Qúa trình chung sống đến tháng 4/2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, có lần tôi đánh chị L. Nay tôi thống nhất thuận tình ly hôn với chị L

-Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Tấn T1, sinh ngày 20/9/2013 lâu nay do vợ chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp T1 có nguyện vọng muốn ở với cha hoặc mẹ thì tùy ý chí của T1, nếu T1 muốn ở với tôi thì tôi tiếp tục nuôi dưỡng, còn T1 muốn ở với chị L thì tôi cũng thống nhất.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX ghi nhận; Về con chung: Giao cháu Lê Tấn T1, sinh ngày 20/9/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022 là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Về tài sản chung và khoản nợ chung, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện anh Lê T về việc: " Xin ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Bị đơn anh Lê T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê T tự tìm hiểu tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh T có lần đánh đập chị, hiện tại chị không còn tình cảm gì nên yêu cầu xin ly hôn; Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/02/2022 anh T trình bày và thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có lần anh đánh chị L và thống nhất thuận tình ly hôn với chị L nên HĐXX ghi nhận.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Tấn T1, sinh ngày 20/9/2013, lâu nay do chị L và anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, đồng thời yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022; tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022 bị đơn anh T thống nhất giao cháu T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng HĐXX xét thấy: Cháu T1 lâu nay do vợ chồng chị L, anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 03/12/2021 cháu T1 có nguyện vọng xin được ở với chị L. Do đó để đảm bảo về sự phát triển bình thường của cháu, cần giao cháu T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị L, xét thấy anh T hiện nay làm nghề chấn đăng, thu nhập cơ bản ổn định. Do vậy cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022.

[4]. Về tài sản chung và khoản nợ chung: Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Tấn T1, sinh ngày 20/9/2013.

Buộc anh Lê T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 03758 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Bị đơn anh Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình